

Số: 3701/KH-UBND

Bắc Giang, ngày 15 tháng 12 năm 2015

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	
Số	189
Đến	Ngày: 13/1/16
Chuyển	

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
Thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP, ngày 14/10/2015
của Chính phủ về Chính phủ điện tử

Thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP, ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang xây dựng Kế hoạch hành động triển khai Chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Xây dựng và phát triển tỉnh Bắc Giang điện tử với Chính quyền điện tử, công dân điện tử, giáo dục điện tử, y tế điện tử, doanh nghiệp điện tử, giao dịch và thương mại điện tử.

Cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 trên diện rộng nhằm xây dựng nền hành chính vững mạnh, hiện đại, minh bạch, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

2. Yêu cầu

Ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh phải phù hợp với quy hoạch tổng thể của quốc gia và lồng ghép trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Giang, gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cải cách hành chính; triển khai đồng bộ, nâng cao tính hiệu quả trong chỉ đạo điều hành, tạo môi trường bình đẳng minh bạch, hiện đại, góp phần nâng cao sức cạnh tranh, phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

Đầu tư ứng dụng CNTT trong tất cả các lĩnh vực, có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo đồng bộ với kết cấu hạ tầng đô thị, đáp ứng yêu cầu khoa học, hiện đại về quản lý, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu về con người, tài chính và hạ tầng thiết yếu. Ưu tiên ứng dụng CNTT trong hệ thống chính trị và quản lý nhà nước, xây dựng chính quyền điện tử, cung cấp dịch vụ công, trước hết là trong các lĩnh vực liên quan đến doanh nghiệp, người dân như giáo dục, y tế, giao thông, nông nghiệp.

Tập trung xây dựng hạ tầng thông tin hiện đại, chuẩn hóa, đồng bộ, liên thông các cấp các ngành, địa phương trên cơ sở đảm bảo tính kế thừa, tận dụng những thành tựu, kết quả đã có phù hợp với các chiến lược, quy hoạch của tỉnh.

Nâng cao trình độ CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức, chú trọng xây dựng

đội ngũ giám đốc CNTT và phát triển nguồn nhân lực CNTT chuyên trách đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành hiệu quả hệ thống Chính quyền điện tử, đủ khả năng đảm bảo an ninh chính trị, đảm bảo an toàn, an ninh mạng, bảo mật các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và toàn tỉnh.

II. CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Xây dựng hạ tầng CNTT

a) Xây dựng, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng

Phát triển và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước (quang hóa 100%), tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng sẵn có của các doanh nghiệp viễn thông để đảm bảo cho 100% các đơn vị khai thác các ứng dụng và các dịch vụ dùng chung được cài đặt tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.

b) Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu đáp ứng nhu cầu cao, an toàn

Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh với tiêu chuẩn và định hướng của cả nước, hiện đại, dung lượng lớn, đảm bảo là nơi tập trung, tích hợp an toàn các kho dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, các hệ thống thông tin của toàn tỉnh nhằm xây dựng hoàn chỉnh hệ thống CNTT tại các cơ quan nhà nước.

Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống an ninh, bảo mật chính quy nhằm đảm bảo khả năng phòng chống tấn công, xâm nhập và phá hỏng dữ liệu.

c) Đầu tư thiết bị, nâng cấp mạng LAN cho các đơn vị

Đầu tư mua sắm trang thiết bị (mạng, máy tính, máy in) trong các cấp, các ngành như sau:

- Trang bị máy tính: 100% cán bộ công chức cấp tỉnh, huyện, xã được trang bị máy tính có cấu hình đáp ứng được yêu cầu ứng dụng CNTT trong đơn vị.

- Nâng cấp mạng LAN cho các cơ quan cấp sở, huyện, xã đảm bảo kết nối qua mạng truyền số liệu chuyên dùng trong các cơ quan Đảng và nhà nước tới Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh.

d) Xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình

Phát triển, hoàn thiện hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến theo hướng thuê dịch vụ, triển khai vận hành trên đường truyền tốc độ cao, đảm bảo truyền số liệu, âm thanh, hình ảnh chất lượng tốt đạt chuẩn HD, full HD, khả năng đối thoại hai chiều thông suốt tại các điểm cầu của các cơ quan khối Đảng, Văn phòng UBND tỉnh; 100% các sở, ban, ngành, 10 đơn vị UBND cấp huyện và liên thông với hệ thống hội nghị trực tuyến của Chính phủ phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành.

đ) Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp bảo vệ an toàn hạ tầng CNTT

Sử dụng các hệ thống bảo mật có độ tin cậy cao cho các hệ thống hạ tầng CNTT quan trọng như các hệ thống công thông tin điện tử của tỉnh, trung tâm tích hợp dữ liệu, các hệ thống kết nối với trung ương.

Phát triển Trung tâm CNTT của tỉnh nhằm nâng cao năng lực ứng cứu sự cố về an toàn mạng và hạ tầng thông tin trong cơ quan nhà nước. Đồng thời, hình thành mạng lưới điều phối ứng cứu sự cố về an toàn mạng và hạ tầng thông tin của tỉnh với sự tham gia của các thành phần kinh tế.

2. Ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước

a) Giai đoạn 2016 - 2017

Xây dựng kiến trúc phần mềm nền tảng để phát triển các phần mềm ứng dụng và dịch vụ công theo chuẩn nhất quán, kết nối và liên thông văn bản điện tử, dữ liệu từ cấp tỉnh tới cấp huyện, cấp xã; tích hợp thuận tiện các ứng dụng có sẵn và sẵn sàng liên thông kết nối với các ứng dụng do các Bộ, ngành dọc triển khai. Tạo lập môi trường điện tử để người dân giám sát và đóng góp cho hoạt động của chính quyền các cấp.

Tích hợp các phần mềm quản lý văn bản và điều hành liên thông của tỉnh, chia sẻ với hệ thống Quản lý văn bản tích hợp trong toàn quốc. Đồng thời tích hợp các cơ sở dữ liệu tương ứng, phục vụ việc quản lý, điều hành tác nghiệp trong nội bộ và liên thông giữa các cơ quan, đơn vị, tích hợp chữ ký số bảo đảm an toàn, an ninh, tính pháp lý của văn bản trao đổi trên môi trường mạng. Hoàn thiện và sử dụng có hiệu quả hệ thống quản lý văn bản và điều hành cho 100% các đơn vị nhà nước cấp tỉnh, huyện, xã (gồm 24 đơn vị cấp sở, ban, ngành, 10 đơn vị UBND cấp huyện và 230 đơn vị UBND cấp xã).

Tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông của các sở, ngành, UBND cấp huyện và cấp xã (100% các đơn vị); tích hợp vào công thông tin điện tử của tỉnh, tạo điều kiện và từng bước hình thành đầu mối trung tâm cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp.

Nâng cấp và phát triển hệ thống thư điện tử của tỉnh; đảm bảo 100% cán bộ, công chức, viên chức nhà nước các cấp thường xuyên sử dụng hộp thư điện tử với tên miền của tỉnh; 100% các cơ quan nhà nước các cấp ứng dụng chữ ký số vào thư điện tử, trong gửi, nhận văn bản điện tử, hồ sơ điện tử.

Xây dựng mới, nâng cấp và hoàn thiện các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong các hoạt động nghiệp vụ phù hợp với đặc thù của từng cơ quan nhằm đáp ứng nhu cầu công tác tại mỗi cơ quan, đơn vị.

b) Giai đoạn 2018 - 2020

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT tại tất cả các cơ quan cấp xã. Hoàn thiện và thống nhất áp dụng các hệ thống thông tin chuyên ngành, chương trình ứng dụng

dùng chung trong toàn tỉnh; hoàn thành xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh đảm bảo cơ chế chia sẻ, liên thông, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia về công dân, đất đai, xây dựng, doanh nghiệp.

50% các cuộc họp giữa cấp tỉnh với UBND cấp huyện được sử dụng hội nghị truyền hình trực tuyến.

100% cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước xử lý công việc trên mạng máy tính thông qua Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp của cơ quan.

90% tỷ lệ hồ sơ lưu trữ được số hóa.

100% các dịch vụ hành chính công được cung cấp ở mức độ 3 trở lên trên Cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng các phần mềm ứng dụng chuyên ngành của các sở, ngành và phần mềm quản lý phục vụ công việc của khối UBND các cấp, phát triển theo hướng liên thông, tích hợp tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, chia sẻ với các hệ thống cơ sở dữ liệu theo ngành dọc và cơ sở dữ liệu quốc gia liên quan.

Xây dựng giải pháp và cơ chế tích hợp, chia sẻ sử dụng giữa các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu thành phần (được tích hợp tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh), đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu sử dụng, ứng dụng của các cơ quan nhà nước trong tỉnh và các dịch vụ, ứng dụng khác phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Ứng dụng và phát triển mạnh mẽ phần mềm mã nguồn mở trong các cơ quan nhà nước thay cho việc sử dụng các hệ điều hành và các ứng dụng nguồn đóng, giúp triển khai, sử dụng linh hoạt, tiết kiệm chi phí, giảm thiểu vi phạm bản quyền, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, góp phần nâng cao tính chủ động và làm chủ công nghệ, đáp ứng các yêu cầu xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh.

3. Ứng dụng CNTT trong phục vụ người dân, doanh nghiệp

a) Giai đoạn 2016-2017

Phát triển, hoàn thiện Cổng thông tin điện tử của tỉnh, các cổng thành viên, hướng đến xây dựng Cổng thông tin điện tử thành một hệ thống mạnh mẽ, ổn định với nguồn thông tin dữ liệu phong phú, đa dạng và được cập nhật liên tục theo thời gian thực.

Nâng cấp và phát triển các Cổng thông tin điện tử thành phần của 24 sở, ngành, 10 đơn vị UBND cấp huyện, thành phố, tích hợp lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Đảm bảo các yêu cầu, các chức năng theo quy định chung của Chính phủ

(Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/06/2011) và Bộ Thông tin và Truyền thông (Thông tư 26/2009/TT-BTTTT ngày 31/07/2009, Thông tư 24/2011/TT-BTTTT ngày 20/09/2011) và các văn bản quy định khác có liên quan.

Cung cấp 50% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (có thể điền và gửi trực tuyến các mẫu đơn, hồ sơ) và 10% dịch vụ công mức độ 4 (có thể trả kết quả và thanh toán trực tuyến) cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật về kết nối, tích hợp dữ liệu và truy cập thông tin; đảm bảo yêu cầu về an toàn, bảo mật, sao lưu, phục hồi dữ liệu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành và quản lý trong các cơ quan nhà nước, hướng tới nền hành chính vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hóa, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Trong đó, ưu tiên triển khai các dịch vụ công mức độ 3 và 4 thuộc các lĩnh vực: Xây dựng, đất đai, du lịch, giáo dục, y tế, môi trường, đầu tư, dân cư, nông - lâm nghiệp, thủy sản, xuất nhập cảnh, bảo hiểm xã hội, giao thông, lao động- thương binh và xã hội, tư pháp, khoa học và công nghệ, thông tin và truyền thông.

b) Giai đoạn 2018-2020

Thiết lập Cổng dịch vụ công tỉnh Bắc Giang tại một địa chỉ duy nhất trên mạng (Một cửa điện tử tỉnh Bắc Giang) trên cơ sở hình thành từ các hệ thống thông tin về: dân cư, đất đai - xây dựng và doanh nghiệp để cấp phép, thực hiện các thủ tục liên quan đến người dân, doanh nghiệp, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau. Đảm bảo cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (có thể điền và gửi trực tuyến các mẫu đơn, hồ sơ) và 20% dịch vụ công mức độ 4 (có thể trả kết quả và thanh toán trực tuyến) cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4. Phát triển nhân lực CNTT

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT để đổi mới phương thức quản lý, nội dung và chương trình đào tạo, phương thức dạy và học nhằm tạo chuyên biến mạnh mẽ về chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy xã hội học tập, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Đến năm 2020, 100% các trường học từ tiểu học đến trung học phổ thông đều được trang bị từ 1 - 3 phòng máy tính, với số máy tính đáp ứng yêu cầu tối thiểu (trung bình có khoảng 25 máy tính/phòng); trang bị máy chủ, các phần mềm mã nguồn mở hỗ trợ các môn học phục vụ cho việc dạy và học; ứng dụng thường xuyên, hiệu quả CNTT vào từng môn học.

Đến năm 2020, 100% các cơ quan Đảng và Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp huyện có lãnh đạo phụ trách CNTT được đào tạo bồi dưỡng chương trình lãnh đạo công nghệ thông tin (CIO); 100% các cơ quan sở, ngành, huyện trên địa bàn tỉnh sẽ có ít nhất 01 cán bộ chuyên trách về CNTT có trình độ từ Đại học trở lên.

Xây dựng và triển khai dự án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn, công nghệ, kỹ năng mềm, ngoại ngữ cho nhân lực CNTT, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý, lãnh đạo, cán bộ chủ chốt, chuyên gia, nhân lực chuyên môn trong các tổ chức, doanh nghiệp CNTT.

Xây dựng và triển khai dự án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng sử dụng CNTT, khai thác tài nguyên mạng, sử dụng dịch vụ công trực tuyến cho cộng đồng, xã hội và người dân tạo nền tảng phát triển công dân điện tử.

Tăng cường hoạt động nghiên cứu, tiếp nhận chuyển giao và làm chủ công nghệ mới, phần mềm nguồn mở, công nghệ mở, chuẩn mở.

5. Đẩy mạnh bảo đảm an toàn, an ninh thông tin

Tăng cường đầu tư về thiết bị và nguồn nhân lực bảo đảm an toàn, an ninh thông tin đến mức cao nhất cho các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và toàn tỉnh.

Kiên toàn và phát huy vai trò bộ máy quản lý nhà nước về an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng của địa phương, trong đó chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách nhằm bảo đảm an toàn thông tin, an ninh thông tin, an ninh mạng.

Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng Quân đội, Công an, Cơ yếu, Thông tin và Truyền thông để sẵn sàng, chủ động phòng ngừa và xử lý các tình huống phát sinh trong lĩnh vực an toàn, an ninh thông tin.

Xây dựng và triển khai đề án nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT đủ khả năng bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho các cấp các ngành.

III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

Cụ thể hóa và thể chế hóa các chủ trương, chính sách, quy định về ứng dụng và phát triển CNTT của Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh nhằm tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho việc đẩy mạnh ứng dụng và phát triển chính quyền điện tử của tỉnh, gồm:

- Xây dựng và hướng dẫn triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh.
- Xây dựng các quy định về an toàn, an ninh thông tin, đẩy mạnh sử dụng chữ ký số trong các hoạt động ứng dụng CNTT của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.
- Xây dựng, ban hành các mô hình, tiêu chí, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng cơ chế quản lý, giám sát các dự án phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh nhằm quy định các mức kiểm tra, đánh giá các dự án công nghệ thông tin, đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ.

- Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy người dân và doanh nghiệp sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng cơ chế sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin, chia sẻ trao đổi thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước và các địa phương đơn vị được thuận lợi và an toàn.

- Xây dựng chính sách thu hút và đãi ngộ, chế độ phụ cấp đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức làm CNTT trong cơ quan nhà nước.

- Tạo điều kiện thuận lợi, áp dụng mức ưu đãi cao nhất về thuế, đất đai, tín dụng cho hoạt động nghiên cứu, sản xuất và cung cấp sản phẩm, dịch vụ CNTT.

- Tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy phát triển thương mại điện tử.

2. Tăng cường đầu tư cho ứng dụng CNTT

Tăng cường đầu tư và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư cho ứng dụng CNTT. Đầu tư phải đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ. Đối với các ứng dụng chuyên ngành, triệt để sử dụng các sản phẩm phần mềm do bộ ngành TW đầu tư triển khai theo ngành dọc, tỉnh không đầu tư phát triển mới, tránh đầu tư chồng chéo, gây lãng phí.

Các hạng mục đầu tư của các dự án dùng chung cấp tỉnh trong Kế hoạch được bố trí từ ngân sách tỉnh; đầu tư mua sắm, nâng cấp trang thiết bị (mạng LAN, máy tính, máy in) của cấp huyện được bố trí từ ngân sách huyện.

3. Tập trung chỉ đạo, triển khai

Triển khai các nội dung ứng dụng và phát triển CNTT tin đòi hỏi phải thống nhất, quyết liệt và đồng bộ. Các cấp, các ngành phải coi đây mạnh ứng dụng CNTT là đây mạnh thực hiện cải cách hành chính, là nhiệm vụ trọng tâm trước mắt và lâu dài.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Hoàn thành kết nối, liên thông phần mềm quản lý văn bản với văn phòng Chính phủ trước ngày 01 tháng 01 năm 2016.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố kết nối, liên thông phần mềm quản lý văn bản với Văn phòng UBND tỉnh, hoàn thành trước ngày 30 tháng 6 năm 2016.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức xây dựng Chính quyền điện tử cấp tỉnh. Hàng năm xây dựng, lập kế hoạch cụ thể về xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh, của từng cơ quan, địa phương; trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, đơn vị chủ trì và dự kiến các bước thực hiện đảm bảo sự đồng bộ, sự nhất quán của toàn bộ hệ thống để cải thiện các lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ được giao trình UBND tỉnh phù hợp với Kế hoạch này.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng cơ chế, chính sách, môi trường pháp lý CNTT trên địa bàn tỉnh trình HĐND tỉnh, UBND tỉnh xem xét, quyết định để hướng dẫn và tổ chức thực hiện.

c) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghệ thông tin từ tỉnh đến các huyện, thành phố. Là đầu mối chủ trì, phối hợp giữa các cơ quan ngành dọc, các doanh nghiệp nhà nước trong việc triển khai phát triển và ứng dụng CNTT trên địa bàn.

d) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí ngân sách hàng năm cho hoạt động ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin để triển khai Kế hoạch này.

đ) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ chỉ đạo triển khai trên địa bàn tỉnh các nhiệm vụ trong Chương trình quốc gia phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin.

e) Làm tốt công tác thẩm định và nghiệm thu đưa vào sử dụng các dự án CNTT sử dụng vốn ngân sách, đảm bảo cho công tác đầu tư đồng bộ, tiết kiệm, tránh chồng chéo, lãng phí.

3. Sở Nội vụ

a) Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính gắn với tăng cường ứng dụng CNTT và đề cao trách nhiệm thực người đứng đầu. Rà soát, đơn giản hóa, bãi bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết, tạo mọi thuận lợi và giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp, người dân.

b) Công khai minh bạch thủ tục hành chính, thời gian giải quyết trên mạng Internet và nơi truy cập trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính. Tổ chức hỗ trợ, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp truy cập, kê khai yêu cầu cung cấp các dịch vụ công trực tuyến.

c) Tổ chức triển khai, thiết lập Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và tình hình, kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại các cấp chính quyền, tạo điều kiện thuận lợi để người dân giám sát tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan hành chính nhà nước.

d) Chủ trì, tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ biên chế, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ, công chức, viên chức về CNTT cho các cấp, các ngành.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố bố trí kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch này.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc bố trí lồng ghép các nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách tỉnh cho các dự án, nhiệm vụ trong dự toán ngân sách hàng năm cho ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai Hệ thống quản lý chất lượng ISO gắn với ứng dụng CNTT (ISO điện tử).

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông bố trí ngân sách chi cho khoa học và công nghệ cho công tác ứng dụng CNTT và các nhiệm vụ xây dựng Chính phủ điện tử.

6. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố bố trí kinh phí chi thường xuyên nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này;

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành cơ chế chi ngân sách đầu tư cho sự nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin.

7. Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Căn cứ vào Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử và Kế hoạch này để xây dựng, cụ thể hóa các nhiệm vụ, tổ chức thực hiện nghiêm túc có hiệu quả; định kỳ hàng năm, đánh giá tình hình thực hiện gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy Ban nhân dân tỉnh.

b) Triển khai cung cấp dịch vụ công qua mạng điện tử theo hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương, Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và tích hợp lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng dịch vụ công Quốc gia.

c) Chỉ đạo đưa mục tiêu, nhiệm vụ ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin vào kế hoạch công tác dài hạn và hàng năm; gắn nội dung ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020; bảo đảm ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin là nội dung

bắt buộc, quan trọng trong từng kế hoạch phát triển, cũng như từng đề án, dự án đầu tư của đơn vị.

d) Xây dựng dự toán chi thực hiện Kế hoạch, tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông để trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này, nếu có khó khăn vướng mắc chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

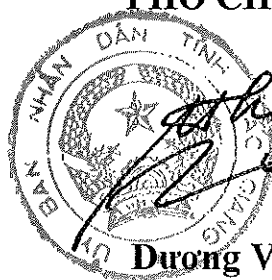
Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- TTTU, HĐND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, VX2.

Bản điện tử:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Thành viên, Tổ thư ký BCĐ CNTT tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TKCT, TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Văn Thái